

HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN***(Ban hành kèm theo quyết định số 29/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 13/02/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)***NGÀY THI: 08/02/2020**

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Phạm Vũ Minh	Châu	14/04/1997	Nữ	Kinh	Hưng Yên	6,5	6,5	CNTT/20/0313	DBG00310	Đạt	
2	CNTT02	Hồ Thị	Chiến	19/05/1969	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	5,5	6,0	CNTT/20/0314	DBG00309	Đạt	
3	CNTT03	Phạm Thị	Hải	01/10/2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7,5	6,5	CNTT/20/0315	DBG00308	Đạt	
4	CNTT04	Hoàng Thế	Hạnh	02/09/1979	Nam	Kinh	Bắc Giang	7,5	6,5	CNTT/20/0316	DBG00307	Đạt	
5	CNTT05	Hoàng Thị	Hiền	19/11/1968	Nữ	Nùng	Bắc Giang	6,7	6,0	CNTT/20/0317	DBG00306	Đạt	
6	CNTT06	Lê Thị	Hiền	11/11/1979	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6,5	6,5	CNTT/20/0318	DBG00305	Đạt	
7	CNTT07	Phạm Văn	Hòa	11/03/1981	Nam	Kinh	Bắc Giang	6,2	7,0	CNTT/20/0319	DBG00304	Đạt	
8	CNTT08	Nguyễn Thị	Huệ	12/09/1990	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7,2	6,0	CNTT/20/0320	DBG00303	Đạt	
9	CNTT09	Nguyễn Đức	Hùng	08/11/1989	Nam	Kinh	Bắc Giang	9,0	7,5	CNTT/20/0321	DBG00302	Đạt	
10	CNTT10	Nguyễn Đức	Huy	27/11/1998	Nam	Kinh	Bắc Giang	6,7	6,5	CNTT/20/0322	DBG00301	Đạt	
11	CNTT11	Nguyễn Thị	Huyền	15/11/1991	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7,7	7,0	CNTT/20/0323	DBG00300	Đạt	
12	CNTT12	Nguyễn Thành	Hung	19/08/1996	Nam	Kinh	Bắc Giang	7,5	7,5	CNTT/20/0324	DBG00299	Đạt	
13	CNTT13	Hoàng Thị	Hương	08/03/1996	Nữ	Tày	Bắc Giang	6,2	7,0	CNTT/20/0325	DBG00298	Đạt	
14	CNTT14	Hoàng Thị	Lệ	27/01/1996	Nữ	Tày	Bắc Giang	7,2	7,0	CNTT/20/0326	DBG00297	Đạt	
15	CNTT15	Lê Minh	Luân	22/10/1996	Nam	Kinh	Hà Nội	7,0	7,0	CNTT/20/0327	DBG00296	Đạt	
16	CNTT16	Thân Thị	Mai	18/09/1982	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7,2	6,0	CNTT/20/0328	DBG00295	Đạt	
17	CNTT17	Trần Văn	Minh	17/10/1998	Nam	Kinh	Bắc Giang	7,5	6,0	CNTT/20/0329	DBG00294	Đạt	
18	CNTT18	Hoàng Thị Thu	Nga	06/02/1997	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7,7	7,0	CNTT/20/0330	DBG00293	Đạt	
19	CNTT19	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	08/07/1997	Nữ	Kinh	Bắc Giang	8,2	7,5	CNTT/20/0331	DBG00292	Đạt	
20	CNTT20	Diêm Công	Phương	26/04/1987	Nam	Kinh	Bắc Giang	6,2	5,5	CNTT/20/0332	DBG00291	Đạt	
21	CNTT21	Trần Bích	Phương	01/08/1997	Nữ	Kinh	Bắc Giang	9,0	8,0	CNTT/20/0333	DBG00290	Đạt	
22	CNTT22	Nguyễn Văn	Tấn	12/10/1975	Nam	Kinh	Bắc Giang	6,0	6,0	CNTT/20/0334	DBG00289	Đạt	
23	CNTT23	Đặng Thị	Thảo	04/03/1994	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7,0	7,0	CNTT/20/0335	DBG00288	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
24	CNTT24	Vũ Trí	Thạo	07/02/1988	Nam	Kinh	Bắc Giang	6,5	6,0	CNTT/20/0336	DBG00287	Đạt	
25	CNTT25	Trịnh Thị Thu	Thủy	20/08/1968	Nữ	Kinh	Bắc Giang	6,0	5,5	CNTT/20/0337	DBG00286	Đạt	
26	CNTT26	Phạm Thị	Trang	13/02/1990	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7,2	5,5	CNTT/20/0338	DBG00285	Đạt	
27	CNTT27	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15/08/1997	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7,5	7,0	CNTT/20/0339	DBG00284	Đạt	
28	CNTT28	Đoàn Văn	Trung	08/12/1982	Nam	Kinh	Bắc Giang	7,7	6,0	CNTT/20/0340	DBG00283	Đạt	
29	CNTT29	Doãn Công	Văn	05/07/1991	Nam	Kinh	Bắc Giang	7,7	6,0	CNTT/20/0341	DBG00282	Đạt	
30	CNTT30	Lê Phục	Viên	08/06/1979	Nam	Kinh	Hưng Yên	6,5	6,5	CNTT/20/0342	DBG00281	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 30

Bắc Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

THƯ KÝ

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang